TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2020
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa chị Nh và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Phán.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 14, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Mai Thành T, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 14, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị Nh; anh T xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02-11-2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Nh và anh Mai Thành T đăng ký kết hôn ngày 16-11-2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mê Linh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, anh T và chị Nh cùng đi làm ăn ở một số nơi. Vợ chồng chung sống đến khi chị Nh sinh con chung thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, chăm lo cho cuộc sống gia đình và có biểu hiện ngoại tình. Tuy nhiên, chị Nh vẫn cho anh T cơ hội để sửa lỗi lầm và vợ chồng cùng vào trong thành phố Đà

Lạt, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Nhưng sau khi chị Nh sinh con thứ tư thì tính tình anh T vẫn không thay đổi. Anh T vẫn mải mê chơi bời bạn bè, không lo tu chí làm ăn, không biết chăm lo cho cuộc sống gia đình nên chị Nh và anh T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Mai Phúc Khang, sinh ngày 16-02-2007, cháu Mai Phúc An, sinh ngày 05-10-2009, cháu Mai Nguyên Mạnh, sinh ngày 05-03-2014 và cháu Mai Nguyên Bảo Long, sinh ngày 02-6-2018 hiện cháu Khang và cháu An đang ở với anh T, còn cháu Mạnh và cháu Long đang ở với chị Nh. Khi ly hôn, chị Nh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Long và cháu Mạnh còn cháu Khang và cháu An để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên khi ly hôn chị Nh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28-5-2020, bị đơn anh Mai Thành T có lời khai phù hợp với lời khai của chị Phạm Thị Nh về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không tin tưởng, quan T, chia sẻ với nhau. Nay chị Nh làm đơn xin ly hôn, anh T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh T có lời khai và có nguyện vọng về con chung thống nhất với chị Nh.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do chị Nh, anh T đề nghị xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nh, anh T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Nh và anh Mai Thành T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Mê Linh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đăng ký kết hôn ngày 16-11-2004. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình, quan điểm sống không hợp, không tin tưởng nhau, không thông cảm, chia sẻ, quan T tới nhau. Chị Nh và anh T cho nhau nhiều cơ hội nhưng hai người không

tìm được tiếng nói chung nên chị Nh và anh T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Nay chị Nh đề nghị xin được ly hôn với anh T. Anh T nhất trí.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nh đối với anh T thì thấy: Sau khi kết hôn, chị Nh và anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không tin tưởng nhau. Chị Nh, anh T đã cho nhau cơ hội để đoàn tụ gia đình, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không quan T, chia sẻ với nhau trong cuộc sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay nên chị Nh, anh T đều xác định không còn tình cảm, nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nh và anh T đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Nh và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nh và anh T có bốn con chung là cháu Mai Phúc Khang, sinh ngày 16-02-2007 và cháu Mai Phúc An, sinh ngày 05-10-2009 hiện đang ở với anh T; cháu Mai Nguyên Mạnh, sinh ngày 05-03-2014 và cháu Mai Nguyên Bảo Long, sinh ngày 02-6-2018 hiện đang ở với chị Nh. Khi ly hôn, chị Nh, anh T đều có nguyện vọng để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khang và cháu An, chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mạnh Và cháu Long, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Đồng thời, cháu Khang và cháu An trên 7 tuổi cũng có nguyện vọng xin được ở với anh T. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung chưa thành niên của chị Nh, anh T là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Mai Phúc Khang và cháu Mai Phúc An cho anh Mai Thành T; giao cháu Mai Nguyên Mạnh và cháu Mai Nguyên Bảo Long cho chị Phạm Thị Nh nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; chị Nh, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Chị Nh, anh T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu nên về tài sản chung và công nợ không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Nh và anh Mai Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Phúc Khang, sinh ngày 16-02-2007 và cháu Mai Phúc An, sinh ngày 05-10-2009 cho anh Mai Thành T; giao cháu Mai Nguyên Mạnh, sinh ngày 05-03-2014 và cháu Mai Nguyên Bảo Long, sinh ngày 02-6-2018 cho chị Phạm Thị Nh, nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh T, chị Nh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau mà được quyền thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở thực hiện quyền thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con. (Hiện cháu An, cháu Khang đang ở với anh T; cháu Mạnh, cháu Long đang ở với chị Nh.)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị Nh phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002164 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Phạm Thị Nh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Mê Linh; xã Hải Hưng;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Ái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Việt Hùng **Bùi Văn Bình** **Vũ Văn Ái**